

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 52



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung người đại diện Pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 là 131.998.470.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch
Ông Trần Đức Trung	Thành viên
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban (Bầu từ ngày 24/4/2023)
Ông Khuru Hoàng Nam	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Ngọc Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số: 115/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hải Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 26/3/2024, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 22/3/2023 về việc kiểm toán viên tiền nhiệm chưa có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh với giá gốc là 3.000.000.000 VND, do vậy, Kiểm toán viên tiền nhiệm không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn này hay không cũng như số dư phòng phải trích lập nếu có. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, khoản phải thu đối với việc đầu tư vào trái phiếu nêu trên đã được đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng. Do vậy, vấn đề nêu trên không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thị Tiên**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		73.897.732.912	81.130.358.690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	29.155.499.604	26.802.558.476
1. Tiền	111		9.855.499.604	12.102.558.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.300.000.000	14.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.097.107.331	13.059.032.145
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.3	1.297.107.331	3.688.869.149
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.3	-	(129.837.004)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	23.800.000.000	9.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.450.994.506	37.024.534.491
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.5	10.943.528.588	9.023.132.129
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.6	6.293.304.626	27.662.743.576
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	4.708.637.310	794.090.323
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(3.494.476.018)	(455.431.537)
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	7.060.880	137.933.887
1. Hàng tồn kho	141		7.060.880	137.933.887
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.187.070.591	4.106.299.691
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.14	829.673.219	1.498.201.673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		174.824	1.415.032.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	357.222.548	1.193.065.912
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		148.905.398.908	141.635.012.802
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	8.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		94.548.173.046	109.609.985.780
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	74.500.191.441	88.985.683.403
- Nguyên giá	222		175.994.470.557	192.312.713.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101.494.279.116)	(103.327.030.424)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	20.047.981.605	20.624.302.377
- Nguyên giá	228		24.058.532.693	24.058.532.693
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.010.551.088)	(3.434.230.316)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	23.603.635.918	-
1. Nguyên giá	231		23.603.635.918	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		661.487.074	202.363.636
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	661.487.074	202.363.636
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		27.271.444.955	26.971.137.631
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.4	27.271.444.955	26.971.137.631
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.812.657.915	4.846.525.755
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	2.812.657.915	4.809.891.322
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.15	-	36.634.433
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		222.803.131.820	222.765.371.492

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		21.105.455.705	24.709.317.971
I. Nợ ngắn hạn	310		20.143.863.226	24.374.189.971
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	7.279.968.270	6.919.327.806
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.444.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	834.488.610	795.252.421
4. Phải trả người lao động	314		2.962.831.762	3.279.266.761
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	6.662.021.059	268.520.921
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	2.190.325.833	968.905.354
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	-	11.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		214.227.692	1.141.472.708
II. Nợ dài hạn	330		961.592.479	335.128.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	383.213.040	335.128.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.15	578.379.439	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		201.697.676.115	198.056.053.521
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	201.697.676.115	198.056.053.521
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.998.470.000	131.998.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.394.588.700)	(4.394.588.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.746.673.776	6.746.673.815
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.075.360.679	56.488.961.097
- LNST chưa phân phối lũy kế				
- đến cuối kỳ trước	421a		56.219.661.507	54.527.020.469
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.855.699.172	1.961.940.628
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.377.776.089	1.322.553.038
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		222.803.131.820	222.765.371.492

Người lập biểu



Đào Thế Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng



Đào Thế Hưng

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	80.380.729.810	83.794.836.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	900.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	80.380.729.810	83.793.936.147
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	68.299.177.899	73.338.491.645
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.081.551.911	10.455.444.502
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.044.648.789	4.592.105.309
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.039.305.681	3.815.134.769
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		556.000.001	16.897.223
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		(8.995.915)	(28.862.369)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	11.627.134.524	9.329.103.337
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		1.450.764.580	1.874.449.336
12. Thu nhập khác	31	6.6	5.990.057.592	601.279.242
13. Chi phí khác	32	6.6	1.819.397.857	339.838.420
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	4.170.659.735	261.440.822
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.621.424.315	2.135.890.158
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.079.799.995	124.844.046
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	615.013.872	90.106.752
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.926.610.448	1.920.939.360
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.855.699.172	1.961.940.628
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		70.911.276	(41.001.268)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	300	130

Người lập biểu



Đào Thế Hưng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Kế toán trưởng



Đào Thế Hưng

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.621.424.315	2.135.890.158
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		9.411.923.430	9.210.013.464
- Các khoản dự phòng	03		2.909.207.477	585.268.541
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		214.438.889	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.104.854.769)	(3.042.126.964)
- Chi phí lãi vay	06		556.000.001	16.897.223
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.608.139.343	8.905.942.422
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.821.439.768)	(16.958.843.764)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		130.873.007	975.039.809
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.676.305.805	(6.681.665.880)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.665.761.861	(875.190.750)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		2.391.761.818	13.014.071.879
- Tiền lãi vay đã trả	14		(572.897.224)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(184.138.525)	(1.509.044.748)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.221.536.109)	(3.084.672.216)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.672.830.208	(6.214.363.248)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(683.452.074)	(8.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.109.792.991	2.337.777.779
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.800.000.000)	(9.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.500.000.000	23.006.702.304
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	(27.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.878.275.633	4.312.901.956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.295.383.450)	(6.850.617.961)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	11.000.000.000
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11.000.000.000)	(271.279.833)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.505.630)	(51.449.365.259)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.024.505.630)	(40.720.645.092)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		2.352.941.128	(53.785.626.301)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		26.802.558.476	80.588.184.777
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	29.155.499.604	26.802.558.476

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Đào Thế Hưng

Kế toán trưởng



Đào Thế Hưng

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng

15/11/2024
KẾ TÍNH & T
A
17/11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0302525162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 về việc thay đổi Tổng Giám đốc và bổ sung người đại diện Pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: HAI MINH CORPORATION. Tên Công ty viết tắt: HAMI CORP.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302525162 thay đổi lần thứ 15 ngày 12/5/2022 là 131.998.470.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: HMMH.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty và các Công ty con tại ngày 31/12/2023 là 143 người (tại ngày 31/12/2022 là 140 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển (không kèm người điều khiển); cho thuê tàu và thiết bị hàng hải;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, các dịch vụ về vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Các Công ty con trực tiếp						
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	96,79%	96,79%	96,79%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, tòa nhà Hải Minh, Km105, đường bao Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, vận chuyển hàng hóa	100,00%	100,00%	100,00%
Các Công ty liên kết						
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Lô KB3-02, khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa	26,00%	26,00%	26,00%

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

Các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Cụ thể:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì Công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các giao dịch nêu trên được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Khoản mục tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản giao dịch tại ngày 31/12/2023.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (phải thu khách hàng...) Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2023.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng Công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên Báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không (0). Nếu sau đó Công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được sử dụng để áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu được lập cùng ngày với Báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều chỉnh thích hợp cũng được áp dụng trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty liên kết với với chính sách kế toán của Công ty cho các giao dịch và sự kiện giống nhau phát sinh trong các trường hợp tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong vòng 40 đến 43 năm.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với các bất động sản đầu tư là các căn hộ trong dự án bất động sản mà Công ty được sở hữu lâu dài.

Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

11/2/2023

01/2/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả (Tiếp theo)

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí dịch vụ khác: trích trước dựa trên Hợp đồng, báo giá hoặc các chứng từ khác có liên quan khi Công ty thực tế đã nhận được dịch vụ cung cấp nhưng chưa nhận được hóa đơn.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các bên liên quan.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ. Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến vận tải và kho bãi; doanh thu cho thuê hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và cho thuê hoạt động là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Hải Minh) sau khi điều chỉnh phân trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	383.719.853	1.057.757.614
Tiền gửi ngân hàng	9.471.779.751	10.543.089.850
Tiền đang chuyển	-	501.711.012
Các khoản tương đương tiền (i)	19.300.000.000	14.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	19.300.000.000	14.700.000.000
Tổng	29.155.499.604	26.802.558.476

(i) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại Cổ phần, lãi suất áp dụng từ 2,3%/năm đến 3,5 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	23.800.000.000	23.800.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	23.800.000.000	23.800.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
- Trái phiếu (ii)	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	23.800.000.000	23.800.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất áp dụng từ 3,2%/năm đến 4,2%/năm.

(ii) Công ty đã phân loại khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh "Công ty Tân Hoàng Minh" thành khoản phải thu khác do lô trái phiếu này đã bị hủy bỏ theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK ngày 03/4/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK, Công ty Tân Hoàng Minh có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền cho các nhà đầu tư, trong đó bao gồm Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh, một Công ty con của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của giá trị khoản trái phiếu đã đầu tư vào Công ty Tân Hoàng Minh và trích lập dự phòng toàn bộ trên số dư phải thu của khoản đầu tư trái phiếu này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý (Trình bày lại)
Tổng giá trị cổ phiếu	2.397.945	-	-	-
<i>Trong đó chủ yếu:</i>				
Các cổ phiếu khác	2.397.945	(i)	-	2.402.233 (i)
Tổng giá trị trái phiếu	1.294.709.386	-	-	-
<i>Trong đó chủ yếu:</i>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại TP. Hồ Chí Minh	-	(i)	-	1.401.645.820 (i)
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	1.330.052.998	(i)	-	1.330.052.998 (i)
Các trái phiếu khác	-	(i)	-	-
Các khoản khác	-	(i)	-	30.480.903 (i)
Chi phí mua trái phiếu phân bổ	(35.343.612)	(i)	-	(75.712.805) (i)
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	870.162.996 (129.837.004)
Chứng chỉ quỹ tại TBCS	-	-	-	870.162.996 (129.837.004)
Tổng	1.297.107.331	-	-	870.162.996 (129.837.004)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của chứng khoán không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
 Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.4 Đầu tư vào Công ty liên kết

	Tỷ lệ	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào Công ty liên kết							
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	26,00%	26,00%		(i)	27.271.444.955	27.000.000.000	26.971.137.631
Tổng					27.271.444.955	27.000.000.000	26.971.137.631

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày 31/12/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

11/12/2023

11/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam	-	1.136.662.750
Công ty Cổ phần Ô tô TOYOTA Việt Nam	2.092.423.848	2.171.778.832
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh	1.617.117.596	1.498.564.680
Công ty Cổ phần Kioway	1.683.234.000	-
Phải thu các đối tượng khác	5.550.753.144	4.216.125.867
Tổng	10.943.528.588	9.023.132.129
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Trình bày lại)</i>	<i>428.296.676</i>	<i>890.328.624</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

5.6 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	-	20.009.363.617
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc (i)	6.231.844.558	7.548.055.959
Các đối tượng khác	61.460.068	105.324.000
Tổng	6.293.304.626	27.662.743.576

(i) Khoản trả trước liên quan đến chi phí môi giới mua các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	4.708.637.310	(3.022.710.762)	794.090.323	(22.710.762)
Tạm ứng cho nhân viên	524.430.022	-	319.529.840	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	270.383.562	-	28.109.589	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc nộp thừa	2.151.000	-	-	-
Công ty Bảo Minh Hải Phòng - Phải thu bồi thường	-	-	217.549.221	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh (i)	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	-
Phải thu khác (ii)	911.672.726	(22.710.762)	228.901.673	(22.710.762)
Dài hạn	8.000.000	-	5.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	8.000.000	-	5.000.000	-
Tổng	4.716.637.310	(3.022.710.762)	799.090.323	(22.710.762)

(i) Công ty đã phân loại khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh “Công ty Tân Hoàng Minh” thành khoản phải thu khác do lô trái phiếu này đã bị hủy bỏ theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK ngày 03/4/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo Quyết định số 181/QĐ-UBCK, Công ty Tân Hoàng Minh có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền cho các nhà đầu tư, trong đó bao gồm Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh, một Công ty con của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của giá trị khoản trái phiếu đã đầu tư vào Công ty Tân Hoàng Minh và trích lập dự phòng toàn bộ trên số dư phải thu của khoản đầu tư trái phiếu này.

(ii) Phải thu khác chủ yếu bao gồm các khoản phải thu từ việc chi hộ cho các khách hàng của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.8 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
"Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.542.123.439	47.647.421	455.431.537	-
Tổng	3.542.123.439	47.647.421	455.431.537	-

	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND	
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Đầu tư Thương mại An Phát - phải thu cung cấp dịch vụ (i)	-	137.731.560	-	-	137.731.560
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Lộc Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ (i)	-	-	100.000.000	-	100.000.000
Các tổ chức khác - phải thu cung cấp dịch vụ (i)	-	194.989.215	-	-	194.989.215
Các tổ chức khác - phải thu khoản chi hộ (i)	-	22.710.762	-	-	22.710.762
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lam Logistic	-	86.691.902	-	-	86.691.902
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh	-	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Tổng	-	3.442.123.439	100.000.000	-	3.542.123.439

(i) Đây là các khoản nợ phải thu khó có khả năng thu hồi liên quan đến người lao động đã nghỉ việc. Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng toàn bộ với số dư các khoản phải thu này tại ngày 31/12/2023.

5.9 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.060.880	-	137.933.887	-
Tổng	7.060.880	-	137.933.887	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	111.824.737.789	1.434.826.595	71.011.977.839	5.627.171.604	2.414.000.000	192.312.713.827	
Tăng trong năm	-	-	29.965.000	-	-	29.965.000	
Mua trong năm	-	-	29.965.000	-	-	29.965.000	
Giảm trong năm	-	-	(16.121.690.088)	(226.518.182)	-	(16.348.208.270)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(16.121.690.088)	(226.518.182)	-	(16.348.208.270)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	111.824.737.789	1.434.826.595	54.920.252.751	5.400.653.422	2.414.000.000	175.994.470.557	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại ngày 01/01/2023	42.179.846.702	686.280.188	55.536.796.708	4.488.470.719	435.636.107	103.327.030.424	
Tăng trong năm	3.517.899.150	89.709.816	4.436.014.289	536.046.131	255.933.272	8.835.602.658	
Khấu hao trong năm	3.517.899.150	89.709.816	4.436.014.289	536.046.131	255.933.272	8.835.602.658	
Giảm trong năm	-	-	(10.441.835.784)	(226.518.182)	-	(10.668.353.966)	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.441.835.784)	(226.518.182)	-	(10.668.353.966)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	45.697.745.852	775.990.004	49.530.975.213	4.797.998.668	691.569.379	101.494.279.116	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2023	69.644.891.087	748.546.407	15.475.181.131	1.138.700.885	1.978.363.893	88.985.683.403	
Tại ngày 31/12/2023	66.126.991.937	658.836.591	5.389.277.538	602.654.754	1.722.430.621	74.500.191.441	

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 50.155.486.280 VND (tại ngày 01/01/2023: 41.041.292.543 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>24.058.532.693</u>	<u>24.058.532.693</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2023	3.434.230.316	3.434.230.316
Tăng trong năm	576.320.772	576.320.772
Khấu hao trong năm	576.320.772	576.320.772
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	<u>4.010.551.088</u>	<u>4.010.551.088</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2023	<u>20.624.302.377</u>	<u>20.624.302.377</u>
Tại ngày 31/12/2023	<u>20.047.981.605</u>	<u>20.047.981.605</u>

Quyền sử dụng đất là văn phòng của Công ty tại Tòa nhà Pearl Plaza tại địa chỉ 561A Điện Biên Phủ, phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn sử dụng đất đến năm 2058.

5.12 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất	-	23.603.635.918	-	23.603.635.918
- Nhà	-	2.246.774.686	-	2.246.774.686
	-	21.356.861.232	-	21.356.861.232
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất	-	23.603.635.918	-	23.603.635.918
- Nhà	-	2.246.774.686	-	2.246.774.686
	-	21.356.861.232	-	21.356.861.232

Bất động sản đầu tư của Công ty là các căn hộ của Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 381.363.644 VND và 95.444.275 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công trình bệ trụ cầu cố định Phú Quốc	-	194.363.636
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	661.487.074	8.000.000
Tổng	661.487.074	202.363.636

5.14 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	829.673.219	1.498.201.673
Chi phí công cụ, dụng cụ	188.951.820	58.153.028
Chi phí bảo hiểm, kiểm định	64.160.503	111.530.468
Chi phí sửa chữa tài sản	281.486.209	490.093.471
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	8.400.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	286.674.687	838.424.706
Dài hạn	2.812.657.915	4.809.891.322
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.935.351.578	527.164.677
Chi phí sửa chữa tài sản	561.718.933	3.812.516.004
Chi phí chờ phân bổ đối với hoạt động cho thuê căn hộ	117.276.728	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	198.310.676	470.210.641
Tổng	3.642.331.134	6.308.092.995

5.15 Tài sản thuế thu nhập doanh hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	36.634.433
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	36.634.433
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	578.379.439	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	578.379.439	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	901.671.825	901.671.825	3.166.373.246	3.166.373.246
Samudera Shipping Line Ltd.	1.195.430.198	1.195.430.198	293.378.097	293.378.097
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	851.558.400	851.558.400	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	4.331.307.847	4.331.307.847	3.459.576.463	3.459.576.463
Tổng	7.279.968.270	7.279.968.270	6.919.327.806	6.919.327.806

Trong đó:

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

	1.576.775.883	1.576.775.883	135.476.200	135.476.200
--	---------------	---------------	-------------	-------------

5.17 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023 (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	795.252.421	7.533.324.700	7.494.088.511	834.488.610
Thuế giá trị gia tăng	660.530.774	3.254.194.517	3.282.823.691	631.901.600
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	47.967.243	44.645.124	3.322.119
Thuế xuất, nhập khẩu	-	677.604.400	677.604.400	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	266.981.218	184.138.525	82.842.693
Thuế thu nhập cá nhân	65.030.088	500.713.373	510.604.416	55.139.045
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.460.500.400	1.460.500.400	-
Các khoản thuế nhà thầu nước ngoài	69.691.559	1.283.002.973	1.291.411.379	61.283.153
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	42.360.576	42.360.576	-
Phải thu	1.193.065.912	835.843.364	-	357.222.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.054.931.222	812.818.777	-	242.112.445
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	134.991.908	23.024.587	-	111.967.321
Thuế tài nguyên nộp thừa	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	3.142.782	-	-	3.142.782

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	-	16.897.223
Trích trước chi phí mua căn hộ	6.231.844.558	-
Các khoản khác	430.176.501	251.623.698
Tổng	6.662.021.059	268.520.921
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	16.897.223
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>		

5.19 Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	2.190.325.833	968.905.354
Kinh phí công đoàn	287.781.760	162.738.160
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.850.000	3.867.700
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	388.004.148	105.504.148
Cổ tức phải trả	-	24.505.630
Phải trả, phải nộp khác	1.512.689.925	672.289.716
Dài hạn	383.213.040	335.128.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn (i)	383.213.040	335.128.000
Tổng	2.573.538.873	1.304.033.354

(i) Nhận ký quỹ ký cược dài hạn để đảm bảo cho việc cho thuê văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	-			Giá trị	-
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Ánh Đồng Xanh (i)	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Đồng Xanh (ii)	-	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Tổng	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

Trong đó:

Vay các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)

-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
---	---	---	----------------	----------------	----------------

(i) Hợp đồng vay số 2612/GFC-HMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Ánh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 5.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 29/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Hợp đồng vay số 2612/GFAHMH ngày 26/12/2022 với Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Đồng Xanh. Số tiền gốc: 5.500.000.000 VND. Thời hạn vay: tối đa 1 năm từ ngày 27/12/2022. Lãi suất vay: 8%/năm, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.21 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Số dư tại ngày 01/01/2022	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng	Đơn vị tính: VND
	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.815	96.079.142.928	1.415.437.230	237.739.119.544	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.961.940.628	(41.001.268)	1.920.939.360	
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	-	-	(2.944.454.848)	-	(2.944.454.848)	
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(38.542.941.000)	(51.882.924)	(38.594.823.924)	
Giảm khác	-	-	-	-	(64.726.611)	-	(64.726.611)	
Số dư tại ngày 31/12/2022	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.815	56.488.961.097	1.322.553.038	198.056.053.521	
Số dư tại ngày 01/01/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.815	56.488.961.097	1.322.553.038	198.056.053.521	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.855.699.172	70.911.276	3.926.610.448	
Trích lập các quỹ kỳ này (i)	-	-	-	-	(294.291.093)	-	(294.291.093)	
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu do Công ty liên kết tăng vốn	-	-	-	-	9.303.239	-	9.303.239	
Biến động khác	-	-	-	(39)	15.688.264	(15.688.225)	-	
Số dư tại ngày 31/12/2023	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.776	60.075.360.679	1.377.776.089	201.697.676.115	

(i) Công ty Cổ phần Hải Minh, trích lập các quỹ theo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2022 được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 20/4/2023, trong đó:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 196.194.062 VND;
- Trích lập quỹ khen thưởng hoạt động của hội đồng quản trị: 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với 98.097.031 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	1.428.800	10,82%	14.288.000.000	1.428.800	10,82%	14.288.000.000
Ông Trần Quang Tiến	1.388.505	10,52%	13.885.050.000	1.388.505	10,52%	13.885.050.000
Ông Vũ Đức Tuấn	1.000.000	7,58%	10.000.000.000	1.000.000	7,58%	10.000.000.000
Các cổ đông khác	9.382.542	71,08%	93.825.420.000	9.382.542	71,08%	93.825.420.000
Tổng	13.199.847	100,00%	131.998.470.000	13.199.847	100,00%	131.998.470.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	131.998.470.000	131.998.470.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	131.998.470.000	131.998.470.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	38.542.941.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
Cổ phiếu phổ thông	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phiếu được mua lại	352.200	352.200
Cổ phiếu phổ thông	352.200	352.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.847.647	12.847.647
Cổ phiếu phổ thông	12.847.647	12.847.647
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.746.673.776	6.746.673.815

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày 31/12/2023, các Công ty con của Công ty thuê hoạt động các lô đất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất ký với đại diện cơ quan nhà nước tại thành phố Hải Phòng. Thông tin chi tiết như sau:

Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê

Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 17.178,36 m². Thời hạn thuê đất đến hết ngày 14/01/2059.

Lô đất do Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thuê hoạt động lô đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 20.330,03 m². Thời hạn thuê đất là 30 năm, đến hết ngày 15/11/2030. Kể từ năm 2021, tiền thuê hàng năm là 1.072.460.000 VND.

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đồng Đô La Mỹ (USD)	1.284,23	31.698.153	96,70	2.267.615

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ****a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	19.761.377.721	27.309.913.342
Doanh thu đại lý dầu (hàng hóa)	-	989.584.490
Doanh thu dịch vụ đại lý container	7.964.915.292	11.214.405.315
Doanh thu cho thuê văn phòng và cho thuê hoạt động khác (i)	4.913.524.355	4.378.669.567
Doanh thu cho thuê bãi	47.740.912.442	39.902.263.433
Tổng	80.380.729.810	83.794.836.147
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	4.069.579.079	-

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm là 381.363.644 VND.

b. Giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Giảm giá hàng bán	-	900.000
Tổng	-	900.000

11411

J.N.C
CỘNG
TN
KIỂM
PAV
CH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)

c. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	19.761.377.721	27.309.913.342
Doanh thu đại lý dầu (hàng hóa)	-	989.584.490
Doanh thu dịch vụ đại lý container	7.964.915.292	11.213.505.315
Doanh thu cho thuê văn phòng và cho thuê hoạt động khác	4.913.524.355	4.378.669.567
Doanh thu cho thuê bãi	47.740.912.442	39.902.263.433
Tổng	80.380.729.810	83.793.936.147

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	25.898.430.526	29.559.376.400
Giá vốn đại lý dầu (hàng hóa)	-	1.079.015.202
Giá vốn dịch vụ đại lý container	5.414.858.015	5.426.937.647
Giá vốn cho thuê văn phòng và cho thuê hoạt động khác (i)	3.098.809.556	2.748.564.143
Giá vốn cho thuê bãi	33.887.079.802	34.524.598.253
Tổng	68.299.177.899	73.338.491.645

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong năm là 95.444.275 VND.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.877.998.640	2.652.477.109
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	798.719.821
Cổ tức được chia từ kinh doanh chứng khoán	276.993	92.116.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	161.658.485	131.952.607
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.714.671	916.839.772
Tổng	2.044.648.789	4.592.105.309

Trong đó:

Lãi tiền cho vay từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	56.575.342	-
--	------------	---

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí lãi vay	556.000.001	16.897.223
Lỗ kinh doanh chứng khoán	(129.837.004)	3.189.528.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	398.592.849	380.497.394
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	214.438.889	105.686
Lỗ phân bổ mua trái phiếu	-	224.144.798
Chi phí tài chính khác	110.946	3.960.693
Tổng	1.039.305.681	3.815.134.769
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí lãi vay từ các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>556.000.001</i>	<i>-</i>

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.627.134.524	9.329.103.337
Chi phí nhân viên quản lý	6.439.407.713	5.527.050.325
Chi phí vật liệu quản lý	135.533.918	476.351.510
Chi phí đồ dùng văn phòng	211.811.649	132.469.203
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.967.848	296.900.138
Thuế phí và lệ phí	113.120.401	108.013.397
Chi phí dự phòng	3.039.044.481	455.431.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.212.926.613	1.146.271.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	318.321.901	1.186.616.083
Tổng	11.627.134.524	9.329.103.337

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.429.938.687	326.396.224
Nhượng bán quyền mua căn hộ (i)	1.558.903.794	-
Các khoản khác	1.215.111	274.883.018
Tổng	5.990.057.592	601.279.242
Chi phí khác		
Kết chuyển giá trị dự án không tiếp tục đầu tư	194.363.636	-
Chi phí phát sinh từ thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng mua căn hộ (ii)	1.351.341.641	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính, các khoản thuế bị truy thu	5.978.576	-
Chi phí khác	267.714.004	339.838.420
Tổng	1.819.397.857	339.838.420
Lợi nhuận khác	4.170.659.735	261.440.822

- (i) Thu nhập thuần từ việc chuyển nhượng quyền mua căn hộ (đã trừ đi chi phí môi giới) số hiệu 21.09 thuộc Khối căn hộ thuộc cụm công trình cao ốc văn phòng kết hợp thương mại, dịch vụ, căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, theo Thỏa thuận ngày 12/8/2023.
- (ii) Chi phí phát sinh từ thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng mua căn hộ số 21.9/TLHDDC/152ĐBP-CII ngày 14/8/2023 với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh (Công ty CII). Theo thỏa thuận đã ký kết, Công ty hoàn trả lại Căn hộ số hiệu 21.9 đã ký hợp đồng mua và thanh toán theo đợt cho Công ty CII, Công ty thanh toán cho Công ty CII phí thanh lý và ghi giảm các khoản khác đã thanh toán liên quan đến việc mua Căn hộ số hiệu 21.9.

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.079.799.995	124.844.046
Tổng	1.079.799.995	124.844.046

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	578.379.439	90.106.752
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36.634.433	-
Tổng	615.013.872	90.106.752

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	3.855.699.172	1.961.940.628
Các khoản điều chỉnh	-	(294.291.094)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(196.194.063)
- Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, và Ban Kiểm soát	-	(98.097.031)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	3.855.699.172	1.667.649.534
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.847.647	12.847.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	300	130

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông Công ty mẹ và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.742.845.944	6.663.248.881
Chi phí nhân công	22.860.665.428	24.113.365.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.411.923.430	9.210.013.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.630.670.233	38.852.320.256
Chi phí khác bằng tiền	2.215.252.199	2.477.394.754
Tổng	72.861.357.234	81.316.342.381

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Cam kết cho thuê hoạt động**

Tổng giá trị các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không huỷ ngang mà Công ty dự kiến được nhận theo các thời hạn:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Năm thứ nhất	2.658.715.680	1.663.617.164
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.757.846.400	2.904.963.200
Từ năm thứ năm trở đi	-	-
Tổng	4.416.562.080	4.568.580.364

7.2 Thông tin về thay đổi trụ sở Công ty

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Công ty Cổ phần Hải Minh, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch thay đổi trụ sở chính của Công ty như sau:

- Thay đổi trụ sở chính của Công ty Cổ phần Hải Minh từ Tp. Hồ Chí Minh ra Tp. Hải Phòng;
- Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh hoặc đơn vị tương đương để đảm bảo hoạt động của Công ty tại địa bàn Tp. Hồ Chí Minh.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các công việc về thay đổi trụ sở nêu trên đang được tiến hành.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
3	Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có Chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Có Chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ
5	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Thu nhập từ thù lao, các khoản lương, thưởng	2.074.306.000	1.536.416.666

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao và các khoản thu nhập khác của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 25/4/2022)	72.000.000	32.400.000
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 25/4/2022)	-	248.000.000
Ông Trần Đức Trung	Thành viên HĐQT (Từ ngày 25/4/2022)	192.000.000	58.400.000
Ông Trần Đoàn Viện	Thành viên HĐQT (Từ ngày 25/4/2022)	272.000.000	-
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (Từ ngày 25/4/2022)	192.000.000	-
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT (Từ ngày 25/4/2022)	72.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên HĐQT (Đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT (Đến ngày 25/4/2022)	-	-
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên HĐQT (Đến ngày 25/4/2022)	-	-
Tổng		800.000.000	386.800.000

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban (Đến ngày 24/10/2022)	-	43.200.000
Ông Khuru Hoàng Nam	Thành viên (Từ ngày 25/4/2022)	48.000.000	-
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban (Từ ngày 24/4/2023)	48.000.000	-
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên (Đến ngày 25/4/2022)	-	32.400.000
Tổng		96.000.000	75.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ,
 Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/5/2022)	508.306.000	474.283.334
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc (Đến ngày 01/5/2022)	-	143.333.332
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/5/2022)	541.000.000	456.400.000
Ông Trần Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/5/2022)	81.000.000	-
Ông Phan Trọng Long	Người được ủy quyền công bố thông tin	48.000.000	-
Tổng		1.178.306.000	1.074.016.666



19/12/2023
 CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua hàng				
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Sửa chữa, dịch vụ vận tải	2.550.715.316	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	60.181.818	-
Bán hàng				
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Cho thuê văn phòng, kho bãi, dịch vụ vận tải	4.069.579.079	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ	Cước vận chuyển	500.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có Chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Cho thuê văn phòng, phí sử dụng điện	25.241.603	-
Cho vay				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết	Cước vận chuyển, dịch vụ cảng	309.219.130	-
Các khoản doanh thu tài chính				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Hải Minh	Công ty liên kết	Tiền chi cho vay trong năm	5.000.000.000	-
		Tiền thu hồi từ cho vay trong năm	5.000.000.000	-
		Lãi cho vay	56.575.342	-
			56.575.342	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022	
			Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<u>Đi vay</u>				
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Tiền nợ gốc vay nhận được	-	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có Chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Trả nợ gốc vay	5.500.000.000	-
<u>Các khoản chi phí tài chính</u>				
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Tiền nợ gốc vay	5.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh	Có Chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Chi phí lãi vay	282.333.335	-
		Chi phí lãi vay	273.666.666	-
<u>Cổ tức</u>				19.123.170.000
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Cổ tức đã chia	-	7.286.400.000
Ông Trần Quang Tiến	Chủ tịch HĐQT	Cổ tức đã chia	-	4.165.515.000
Ông Phùng Văn Quang	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	1.013.712.000
Ông Phùng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	306.210.000
Ông Trần Đoàn Việt	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	215.424.000
Ông Vũ Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	3.000.000.000
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT	Cổ tức đã chia	-	1.580.154.000
Ông Đặng Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc	Cổ tức đã chia	-	91.140.000
Ông Nguyễn Thế Hưng	Nguyên Tổng Giám đốc	Cổ tức đã chia	-	450.285.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban Kiểm soát	Cổ tức đã chia	-	772.605.000
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên Ban kiểm soát	Cổ tức đã chia	-	211.425.000
Bà Vũ Thị Ngọc Ánh	Các nhân có liên quan đến người quản lý chủ chốt	Cổ tức đã chia	-	30.300.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2023 VND	01/01/2023 (Trình bày lại) VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>				
Công ty Cổ phần Ánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT		428.296.676	890.328.624
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Ánh Đồng Xanh	Có chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty mẹ		298.194.338	887.994.867
Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Đồng Xanh	Có Chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty		21.364.887	2.333.757
			108.737.451	-
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>				
Công ty Cổ phần Ánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT		1.576.775.883	135.476.200
<u>Chi phí phải trả ngắn hạn</u>				
Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Đồng Xanh	Có Chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Lãi vay phải trả	-	16.897.223
			-	16.897.223
<u>Vay và nợ thuê tài chính</u>				
Công ty Cổ phần Ánh Đồng Xanh	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể và là Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT	Nợ gốc của khoản vay ngắn hạn	-	11.000.000.000
			-	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Ánh Đồng Xanh	Có Chủ tịch HĐQT là thành viên mật thiết với chủ tịch HĐQT của Công ty	Nợ gốc của khoản vay ngắn hạn	-	5.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.4 Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc đưa ra những quyết định quản lý của Công ty dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Mặt khác, rủi ro và tỷ suất sinh lời của các loại dịch vụ mà Công ty có sự khác biệt đáng kể và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm. Do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Dịch vụ vận tải, đại lý container, cho thuê văn phòng và kho bãi, và các lĩnh vực kinh doanh khác. Mặt khác, tài sản và nợ phải trả của từng bộ phận không được Công ty trình bày do được dùng chung cho tất cả lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo vị trí địa lý của các khách hàng của Công ty gồm các khách hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam, và các khách hàng trong lãnh thổ Việt Nam.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 (VND)			Lĩnh vực kinh doanh khác	Tổng cộng
	Dịch vụ vận tải	Đại lý container	Cho thuê văn phòng, kho bãi		
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	19.761.377.721	7.964.915.292	52.654.436.797	-	80.380.729.810
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	6.345.135.231	-	1.548.909.424	-	7.894.044.655
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	(6.345.135.231)	-	(1.548.909.424)	-	(7.894.044.655)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.761.377.721	7.964.915.292	52.654.436.797	-	80.380.729.810
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	25.898.430.526	5.414.858.015	36.985.889.358	-	68.299.177.899
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	(6.137.052.805)	2.550.057.277	15.668.547.439	-	12.081.551.911

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trình bày lại một số thông tin Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

a. Trình bày bổ sung Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trình bày bổ sung Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do đánh giá lại về rủi ro và tỷ suất sinh lời của các lĩnh vực kinh doanh nhằm mục đích lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, đồng thời, xác định lại vị trí của khách hàng của Công ty nhằm mục đích lập Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

b. Trình bày lại Thuyết minh về số dư với các bên liên quan

Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3): trình bày bổ sung số dư với Bên liên quan là Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cánh Đồng Xanh do xác định chưa đầy đủ thông tin các bên liên quan:

	01/01/2023 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2023 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	887.994.867	890.328.624	2.333.757
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)	135.476.200	135.476.200	-

c. Trình bày lại Thuyết minh của khoản mục “Trả trước cho người bán”

Thuyết minh số 5.6 - Trả trước cho người bán ngắn hạn: trình bày lại số dư của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc do thuyết minh số dư chưa đúng đối tượng:

	01/01/2023 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2023 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	27.557.419.576	20.009.363.617	7.548.055.959
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhịp cầu Địa ốc	-	7.548.055.959	(7.548.055.959)
Các đối tượng khác	105.324.000	105.324.000	-
Tổng	27.662.743.576	27.662.743.576	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.5 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

d. Trình bày lại Thuyết minh của khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”

Thuyết minh số 5.8 - Phải thu ngắn hạn khác: trình bày lại số dư các khoản dự phòng do thuyết minh chưa đúng số liệu:

	01/01/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)		Chênh lệch (VND)	
	(Số đã báo cáo)		(Số trình bày lại)			
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	794.090.323	-	794.090.323	(22.710.762)	-	(22.710.762)
Tạm ứng cho nhân viên	319.529.840	-	319.529.840	-	-	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay Công ty Bảo Minh Hải Phòng - Phải thu bồi thường	28.109.589	-	28.109.589	-	-	-
Phải thu khác	217.549.221	-	217.549.221	-	-	-
	228.901.673	-	228.901.673	(22.710.762)	-	(22.710.762)
Dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-	-	-
Tổng	799.090.323	-	799.090.323	(22.710.762)	-	(22.710.762)

e. Trình bày lại Thuyết minh về giá trị hợp lý của khoản mục “Chứng khoán kinh doanh”

Thuyết minh số 5.2 - Chứng khoán kinh doanh: trình bày lại giá trị hợp lý của các loại chứng khoán kinh doanh chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam

	01/01/2023	01/01/2023	Chênh lệch
	(Số đã báo cáo)	(Số trình bày lại)	
	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	2.402.233		
Trong đó chủ yếu:			
Các cổ phiếu khác	2.402.233	Không xác định được do chưa có cơ sở xác định giá trị hợp lý	
Tổng giá trị trái phiếu	2.686.466.916		
Trong đó chủ yếu:			
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Thương mại TP. Hồ Chí Minh	1.401.645.820	Không xác định được do chưa có cơ sở xác định giá trị hợp lý	
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	1.330.052.998	Không xác định được do chưa có cơ sở xác định giá trị hợp lý	
Các khoản khác	30.480.903	Không xác định được do chưa có cơ sở xác định giá trị hợp lý	
Chi phí mua trái phiếu phân bổ	(75.712.805)	Không xác định được do chưa có cơ sở xác định giá trị hợp lý	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.5 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

f. *Trình bày lại khoản mục “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước” và “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”*

Trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2023 (Tóm lược)

	MS	TM	01/01/2023	01/01/2023	Chênh lệch
			(Số đã báo cáo)	(Số trình bày lại)	
			VND	VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.923.937.735	81.130.358.690	206.420.955
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.899.878.736	4.106.299.691	206.420.955
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.17	986.644.957	1.193.065.912	206.420.955
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		222.558.950.537	222.765.371.492	206.420.955
NỢ PHẢI TRẢ	300		24.502.897.016	24.709.317.971	206.420.955
Nợ ngắn hạn	310		24.167.769.016	24.374.189.971	206.420.955
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	588.831.466	795.252.421	206.420.955

Trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (tóm lược)

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2022	Năm 2022	Chênh lệch
		(Số đã báo cáo)	(Số trình bày lại)	
		VND	VND	VND
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16.752.422.809)	(16.958.843.764)	(206.420.955)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(6.888.086.835)	(6.681.665.880)	206.420.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.5 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Thuyết minh số 5.17 - Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước, do Công ty phát hiện số dư tại ngày 01/01/2023 trên sổ sách chưa phù hợp với tình hình phải nộp, phải thu của các sắc thuế có liên quan.

	01/01/2023 (Số đã báo cáo) VND	01/01/2023 (Số trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Phải nộp	588.831.466	627.806.837	38.975.371
Thuế giá trị gia tăng	380.890.128	493.085.190	112.195.062
Thuế thu nhập cá nhân	65.030.088	65.030.088	-
Các khoản thuế nhà thầu nước ngoài	69.691.559	69.691.559	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	73.219.691	-	(73.219.691)
Phải thu	986.644.957	1.025.620.328	38.975.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	848.510.267	887.485.638	38.975.371
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	134.991.908	134.991.908	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	3.142.782	3.142.782	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Đào Thế Hưng

Kế toán trưởng



Đào Thế Hưng

Tổng Giám đốc



Đặng Ngọc Hùng